

Số: 948/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 23 tháng 4 năm 2026;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

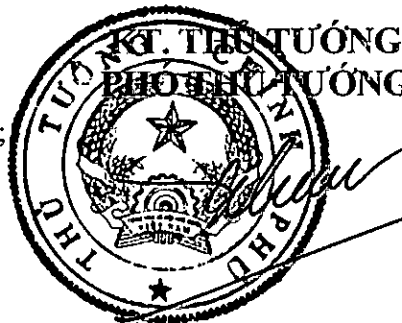
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, PL (2)



Lê Tiến Châu



KẾ HOẠCH

Triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin

(Kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg

ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Luật Tiếp cận thông tin được Quốc hội khóa XVI thông qua tại Kỳ họp thứ nhất ngày 23 tháng 4 năm 2026, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2026. Để triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin kịp thời, toàn diện, thống nhất và hiệu quả, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xác định cụ thể nội dung công việc, tiến độ, thời hạn hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin, bảo đảm kịp thời, thống nhất, hiệu quả và tiết kiệm.

b) Xác định trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương trong việc tiến hành các hoạt động triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin trên phạm vi cả nước.

c) Nâng cao nhận thức về Luật Tiếp cận thông tin và trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương và nhân dân trong việc thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, thường xuyên của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự phối hợp liên tục, chặt chẽ, hiệu quả giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình tổ chức triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

b) Nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm, vai trò của cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì, cơ quan phối hợp và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong các hoạt động triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

c) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng tiến độ, bảo đảm tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả.

d) Xác định lộ trình cụ thể để bảo đảm từ ngày 01 tháng 9 năm 2026, Luật Tiếp cận thông tin và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Tiếp cận thông tin được thực hiện đồng bộ, thống nhất, đầy đủ trên phạm vi cả nước.

đ) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, kịp thời giải quyết những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. NỘI DUNG

1. Tổ chức quán triệt, thực hiện truyền thông, phổ biến Luật Tiếp cận thông tin và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Tiếp cận thông tin

a) Cơ quan thực hiện: Bộ Tư pháp; các bộ, ngành, địa phương; cơ quan báo chí, truyền thông của các bộ, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức liên quan.

b) Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Tháng 6 năm 2026 và các năm tiếp theo.

d) Sản phẩm: Các hội nghị, hội thảo, tọa đàm; tin, bài tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng; tài liệu phổ biến, tài liệu truyền thông và các hình thức truyền thông phù hợp khác.

2. Ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Tiếp cận thông tin

a) Xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật

- Nội dung: Quy định chi tiết khoản 1 và khoản 4 Điều 11, khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Luật và quy định biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan, tổ chức liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Trình Chính phủ ban hành bảo đảm có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

b) Ban hành Thông tư quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Tiếp cận thông tin

- Nội dung: Quy định chi tiết khoản 2 Điều 25 của Luật.
- Cơ quan chủ trì: Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức liên quan.
- Thời gian hoàn thành: Ban hành bảo đảm có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

3. Công khai thông tin đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin; rà soát, kiện toàn, bố trí hợp lý đơn vị, bộ phận hoặc người làm đầu mối cung cấp thông tin

a) Công khai thông tin đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin

- Nội dung: Công khai tên, địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của cơ quan, đơn vị đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại điểm u khoản 1 Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin.

- Cơ quan chủ trì: Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức liên quan.

- Thời gian thực hiện: Trước ngày 01 tháng 9 năm 2026.

b) Rà soát, kiện toàn, bố trí hợp lý đơn vị, bộ phận hoặc người làm đầu mối cung cấp thông tin

- Nội dung: Rà soát đội ngũ công chức, viên chức, đơn vị, bộ phận để có biện pháp bố trí đơn vị, bộ phận hoặc công chức, viên chức đủ năng lực, trình độ làm đầu mối cung cấp thông tin; ưu tiên bố trí những người có kinh nghiệm làm công tác pháp luật hoặc/và công nghệ thông tin.

- Cơ quan chủ trì: Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan, tổ chức liên quan.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4. Công bố, công khai thủ tục hành chính về cung cấp thông tin theo quy định; lập và công khai danh mục đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung

ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc phạm vi theo quy định tại khoản 5 Điều 11 của Luật Tiếp cận thông tin

a) Công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

b) Công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, thành phố

- Cơ quan chủ trì: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

c) Lập và công khai danh mục đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc phạm vi theo quy định tại khoản 5 Điều 11 của Luật Tiếp cận thông tin

- Cơ quan chủ trì: Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Trước ngày 01 tháng 9 năm 2026.

5. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Tiếp cận thông tin

a) Nội dung: (i) Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Tiếp cận thông tin thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công; (ii) Thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật (nếu cần thiết) để bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy định của Luật Tiếp cận thông tin và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

b) Cơ quan thực hiện: Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

c) Thời gian thực hiện:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi kết quả rà soát về Bộ Tư pháp trước ngày 01 tháng 8 năm 2026.

- Bộ Tư pháp tổng hợp kết quả rà soát theo quy định.

d) Sản phẩm: Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát của các bộ, ngành, địa phương.

6. Vận hành cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, công dữ liệu, các kênh nội dung, trang cộng đồng chính thức của cơ quan, đơn vị; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu thông tin của cơ quan, đơn vị

a) Vận hành cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, công dữ liệu, các kênh nội dung, trang cộng đồng chính thức của cơ quan, đơn vị

- Cơ quan chủ trì: Các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và cơ quan, tổ chức liên quan.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan, tổ chức liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

b) Rà soát, phân loại thông tin công dân được tiếp cận, thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện, bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp; lập danh mục thông tin phải được công khai

- Cơ quan chủ trì: Các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và cơ quan, tổ chức liên quan.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

c) Số hóa các văn bản, hồ sơ, tài liệu; duy trì, lưu giữ, cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin của cơ quan, đơn vị

- Cơ quan chủ trì: Các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

7. Tổ chức tập huấn chuyên sâu về nội dung của Luật Tiếp cận thông tin và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Tiếp cận thông tin

a) Về biên soạn tài liệu tập huấn chuyên sâu nội dung của Luật Tiếp cận thông tin và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Tiếp cận thông tin

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức liên quan.
- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

b) Tổ chức hội nghị tập huấn chuyên sâu

- Ở trung ương: Tổ chức hội nghị tập huấn chuyên sâu về nội dung của Luật Tiếp cận thông tin và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Tiếp cận thông tin cho người làm đầu mối cung cấp thông tin ở các cơ quan trung ương và địa phương.

+ Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp.

+ Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan, tổ chức liên quan; Ủy ban nhân dân các cấp.

+ Hình thức tổ chức: Trực tiếp hoặc/và trực tuyến.

+ Thời gian thực hiện: Quý IV năm 2026 và các năm tiếp theo.

- Ở địa phương: Tổ chức hội nghị tập huấn chuyên sâu và bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác đầu mối cung cấp thông tin ở địa phương.

+ Cơ quan chủ trì: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp, các cơ quan, đơn vị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và cơ quan, tổ chức liên quan.

+ Hình thức tổ chức: Trực tiếp hoặc/và trực tuyến.

+ Thời gian thực hiện: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

8. Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thi hành Luật Tiếp cận thông tin và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Tiếp cận thông tin

a) Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp.

b) Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và cơ quan, tổ chức liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

d) Sản phẩm: Văn bản đôn đốc, kế hoạch thực hiện, báo cáo kết quả thực hiện.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi quản lý của bộ, ngành và địa phương mình chủ động, tích cực triển khai thực hiện Kế hoạch này theo nhiệm vụ được phân công, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, tránh hình thức, lãng phí.

b) Căn cứ nội dung Kế hoạch này và tình hình thực tiễn, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thi hành Luật hoặc lồng ghép vào kế hoạch triển khai thi hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

c) Bộ Tư pháp có trách nhiệm giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan khác có liên quan trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch theo đúng tiến độ.

d) Các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các cấp bảo đảm kinh phí, nhân lực để triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương.

đ) Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố kịp thời phản ánh về Bộ Tư pháp để được hướng dẫn hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cụ thể quy định trong Kế hoạch này có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện, gửi cơ quan có thẩm quyền để bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật.